

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày
12 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 và
Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025
giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Minh H, sinh năm 1994; nơi thường trú: ấp T, xã A,
huyện U, tỉnh Kiên Giang; nơi tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Văn T, Tổ I, khu phố P,
phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu A, sinh năm 1997; nơi thường trú: ấp N, xã N,
huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi tạm trú: đường N, căn E, Tổ A, ấp C, xã L, huyện B,
tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phạm
Minh H trình bày:*

Ông Phạm Minh H và bà Trần Thị Thu A tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2016, ngày 16 tháng 3 năm 2016. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả hai không có tiếng nói chung. Ông H và bà A không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và lo cho con. Ông H và bà A không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phạm Minh H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Thu A.

Về con chung: Ông H và bà A có một con chung tên Phạm Thu M, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016. Ông H yêu cầu giao cháu M cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng: Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Trần Thị Thu A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng bị đơn bà Trần Thị Thu A đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Theo biên bản xác minh ngày 16 tháng 4 năm 2025, Công chức Tư pháp xã L cung cấp như sau: ông Phạm Minh H và bà Trần Thị Thu A quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do ông bà không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Minh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị Thu A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp

luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là bà Trần Thị Thu A có nơi cư trú tại căn E, Tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Minh H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt ông H theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị Thu A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông H và bà A chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2016, ngày 16 tháng 3 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân của ông H và bà A là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, ông H và bà A không còn sống chung với nhau. Bà A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc thể hiện việc không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với ông H. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc ông H và bà A là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông

H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà A có một con chung tên Phạm Thu M, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hiện, cháu M đang sống ổn định cùng với mẹ là bà A. Ông H có yêu cầu giao cháu M cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, nguyện vọng của cháu M và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên yêu cầu về con chung của ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh H đối với bị đơn bà Trần Thị Thu A về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Ông Phạm Minh H được ly hôn với bà Trần Thị Thu A.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thu M, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2016 cho bà Trần Thị Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Ông Phạm Minh H không cấp dưỡng nuôi con,

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Minh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006176 ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2016, ngày 16/3/2016);
- Đương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy

